

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày 18-4-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Nhân.

Ông Nguyễn Văn Xuôi.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: ông Cao Minh Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2025/HSST, ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 22/4/2000.

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1, sinh năm 1973 và bà Sơn Thị Ngọc T2 (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 1996.

- Tiền án: 01 tiền án về tội Cướp tài sản, bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 08 năm tù theo Bản án số 10/2019/HS-ST ngày 20/3/2019. Đến ngày 19/11/2023 Phạm Văn T chấp hành xong án phạt tù.

- Tiền sự: 02 tiền sự về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 10/9/2024 Công an Thị trấn C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng; Ngày 26/11/2024 Công an Thị trấn C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 55/QĐ-XPHC số tiền 1.500.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ từ ngày 17/12/2024 cho đến nay (bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh).

Bị hại: ông Trần Phú T3, sinh ngày 10/02/2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Thuận T4, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông Trần Đại D, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/. Ông Cao Hòa P, sinh năm 2006 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2010 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5/. Ông Thân Thành P1, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/. Ông Bùi Chí T5, sinh năm 2004 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/. Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 2004 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

8/. Ông Trần Hoàng L1, sinh năm 2006 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

9/. Ông Lê Hữu N, sinh năm 2004 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

10/. Ông Cao Chín T7, sinh năm 1997 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

11/. Ông Lê Hoàng H, sinh năm 2006 (vắng mặt không lý do).

Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

12/. Ông Ngô Minh K, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

13/. Ông Phạm Quốc M, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

14/. Ông Võ Phạm T8, sinh năm 2008 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

15/. Ông Nguyễn Trường N1, sinh năm 2000 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 08/9/2024, Ngô Minh K, sinh năm 2008, nơi thường trú khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 69AF-040.86 chở Trần Phú T3, sinh năm 2008 nơi thường trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Phạm Quốc M, sinh năm 2008, nơi thường trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288 chở Võ Phạm T8, sinh năm 2008, nơi thường trú ấp D, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long lưu thông trên đường H theo hướng từ trường Trung học phổ thông N3 (khóm F, thị trấn C) đi khóm D, thị trấn C thì gặp bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Trường N1, sinh năm 2000, nơi thường trú ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang đứng trước quán nước của Phạm Văn T thuộc khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Khi nhóm của Trần Phú T3 vừa chạy xe ngang qua thì Phạm Văn T kêu và dùng tay ngoắc lại, do Ngô Minh K biết Phạm Văn T nên điều khiển xe chở Trần Phú T3 quay lại gặp Phạm Văn T. Khi thấy nhóm của Trần Phú T3 quay lại, Phạm Văn T nhặt 01 (một) đoạn gỗ ở phía trước quán cầm trên tay và đi ra giữa lộ. Khi Ngô Minh K điều khiển xe chở Trần Phú T3 quay lại gần đến vị trí của Phạm Văn T đứng thì Phạm Văn T bất ngờ cầm đoạn cây gỗ bằng tay phải đánh một cái theo hướng từ phải sang trái trúng vào vai trái của Trần Phú T3 gây thương tích. Sau đó Ngô Minh K chở Trần Phú T3 chạy về hướng trường Trung học phổ thông N3, còn Phạm Văn T đi bộ quay lại quán nước của Phạm Văn T và ném bỏ đoạn gỗ ở phía trước quán, rồi đi đến nhà của Lê Anh N2, sinh năm 1982 thuộc khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi bị thương, Trần Phú T3, Ngô Minh K, Phạm Quốc M và Võ Phạm T8 đến nhà của Nguyễn Thuận T4, sinh năm 2008, nơi thường trú khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, Trần Phú T3 nói việc mình vừa bị đánh cho Nguyễn Thuận T4, Trần Đại D, sinh năm 2008, nơi thường trú khóm D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Cao Hòa P, sinh năm 2006, nơi thường trú ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2010, nơi thường trú ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đồng thời rủ cả nhóm đi trả thù cho Trần Phú T3 và được cả nhóm đồng ý. Phạm Quốc M đi rước Thân Thành P1, sinh năm 2008, nơi thường trú ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cùng lúc này Cao Hòa P rủ thêm Bùi Chí T5, sinh năm 2004, Nguyễn Văn T6, sinh năm 2004, cùng nơi thường trú ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh và Trần Hoàng L1, sinh năm 2006, nơi thường trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang đứng trước khu vực trường Trung học phổ thông N3 đi cùng.

Khoảng 00 giờ ngày 09/09/2024, khi chuẩn bị đủ hung khí, Ngô Minh K điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 69AF-040.86 chở Trần Phú T3 mang theo 01 cây dao dài 84cm, cán màu đỏ; Cao Hòa P điều khiển xe chở Trần Đại D và Nguyễn Thuận T4 (Trần Đại D cầm 01 cây dao của Nguyễn Thuận T4 đưa, còn Nguyễn Thuận Thảo C theo 02 vỏ chai bia); Phạm Quốc M điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288 chở Thân Thành P1 và Võ Phạm T8 (Thân Thành P1 cầm 01 cây dao cán màu vàng của Trần Phú T3 đưa, Võ Phạm T8 cầm 01 vỏ chai bia); Bùi Chí T5 điều khiển xe chở Nguyễn Văn T6 (Nguyễn Văn T6 cầm 01 vỏ

chai bia); Trần Hoàng L1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84AL-050.91 chở Nguyễn Thành Đ (Nguyễn Thành Đ cầm 02 vỏ chai bia và cây cơ). Sau đó tất cả đi trên đường H theo hướng từ trường Trung học phổ thông N3 đi khóm D, thị trấn C, khi đến quán nước của Phạm Văn T thì Trần Phú T3 hô “Tụi mày đâu hết rồi?” lúc này Nguyễn Văn T6, Trần Đại D và Nguyễn Thành Đ cầm vỏ chai bia ném vào quán của Phạm Văn T trúng tủ nhôm phía trước quán của Phạm Văn T làm hư hỏng (với tấm kính phía trước quán rồi nhóm của Trần Phú T3 tiếp tục chạy về hướng khóm D, thị trấn C, đến ngã tư thì cả nhóm dừng lại, Võ Phạm Tiến B xuống xe.

Khi này, Lê Hữu N, sinh năm 2004, nơi thường trú khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh điều khiển xe chở Cao Chín T7, sinh năm 1997, nơi thường trú khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh và Lê Hoàng H, sinh năm 2006, nơi thường trú ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, Lê Hoàng H ngồi giữa cầm 01 cây dao tự chế, Cao Chín T7 ngồi sau cầm theo một túi vải loại túi đựng cần câu máy bên trong có 04 cây dao tự chế đi từ hẻm đối diện quán nước của Phạm Văn T ra đường H sau đó lưu thông bên lề phải đường H hướng từ trường Trung học phổ thông N4 đi khóm D, thị trấn C. Khi Trần Phú T3 nhìn thấy xe của Lê Hữu N nên kêu Ngô Minh K điều khiển xe quay lại, thấy vậy Cao Hòa P cũng điều khiển xe chở Nguyễn Thuận T4 và Trần Đại D, còn Phạm Quốc M điều khiển xe chở Thân Thành P1 quay lại, chạy theo sau xe của Trần Phú T3. Khi xe do Ngô Minh K và Lê Hữu N điều khiển chạy gần nhau, Trần Phú T3 đứng dậy, hai chân đứng trên gác chân sau, hai tay cầm dao chém một cái về hướng Lê Hoàng H và Cao Chín T7 thì Lê Hoàng H và Cao Chín T7 cầm dao đưa lên đỡ làm Cao Chín T7 bị thương ở mu bàn tay trái và Lê Hoàng H bị thương ở mặt trong cẳng tay phải, chém xong xe của Trần Phú T3 chạy về hướng trường Trung học phổ thông N3, tiếp đó xe do Cao Hòa P điều khiển chạy đến, Nguyễn Thuận T4 cầm 01 vỏ chai bia ném về hướng xe của Lê Hữu N làm vỏ chai bia rơi xuống lộ nhựa bị vỡ, mảnh vỡ chai bia trúng vào mu bàn chân trái của Lê Hữu N gây thương tích, sau đó xe của Nguyễn Thuận T4 chạy về hướng trường Trung học phổ thông N3. Lúc này, Phạm Quốc M chở Thân Thành P1 chạy phía sau thấy xe của Lê Hữu N chạy đến, Phạm Quốc M và Thân Thành P1 bị ngã xe, nên Phạm Quốc M bỏ lại xe mô tô và Thân Thành P1 bỏ lại cây dao để bỏ chạy (thể hiện tại các bút lục: 01-98; 148-211; 232-280; 377-486; 607-615; 625-629).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích của Lê Hữu N, Trần Phú T3, Cao Chín T7 và Lê Hoàng H.

Tại Bản kết luận giám định số: 381/2024/KLTTCT-TTPY ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Lê Hữu N tại thời điểm giám định là: 1% (Một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình

thành vết thương trên người nạn nhân Lê Hữu Nghĩa là: Do ngoại lực tác động va chạm trực tiếp vào vật tày có cạnh.

Tại Bản kết luận giám định số: 382/2024/KLTTCT-TTPY ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Trần Phú T3 tại thời điểm giám định là: 1% (Một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Trần Phú T3 là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích trên là: Vật tày cứng; Hướng từ sau ra trước.

Tại Bản kết luận giám định số: 383/2024/KLTTCT-TIPY ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Cao Chín T7 tại thời điểm giám định là: 1% (Một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Cao Chín T7 là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích trên là: Vật sắc; Hướng từ trên xuống.

Tại Bản kết luận giám định số: 384/ 2024/KLTTCT-TTPY ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh T kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân Lê Hoàng H tại thời điểm giám định là 1% (Một phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành vết thương trên người nạn nhân Lê Hoàng H là: Do ngoại lực tác động trực tiếp; Vật gây ra thương tích trên là: Vật sắc; Hướng từ trên xuống (thể hiện tại các bút lục: 148-175).

Quá trình xác minh, Cao Chín T7, Lê Hoàng H và Lê Hữu N có đơn không yêu cầu xử lý hình sự. Riêng, Trần Phú T3 có đơn yêu cầu xử lý hình sự vào ngày 03/10/2024 (thể hiện tại bút lục: 72).

- Về vật chứng: Quá trình điều tra Công an huyện C thu giữ:
- 01 (một) xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288, số khung: BCB013VN-001755, đã qua sử dụng bị hư hỏng nhiều nơi;
- 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 54cm (cán bằng gỗ màu vàng dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu xám dài 38cm, có một bề sắc bén);
- 01 (một) cây cơ bi da dài 145cm, màu đỏ, vàng, trắng, đen trên thân có chữ DIAMOND;
- 01 (một) áo sơ mi bằng vải, ngắn tay màu đen, trắng trên cổ áo có chữ ZARA, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cây dao tự chế dài 65cm (cán bằng gỗ màu xám dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 41cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn);

- 01 (một) cây dao tự chế dài 84cm (cán bằng gỗ màu đỏ dài 24cm, được quấn khâu bằng kim loại màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 60cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn, trên lưỡi dao có 04 lỗ tròn).

- Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu đối với xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288 bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là ông Võ Phạm T8 (thể hiện tại các bút lục: 75-98; 245-248).

Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn T thừa nhận hành vi dùng đoạn gỗ cố ý đánh gây thương tích cho ông Trần Phú T3 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% (Một phần trăm). Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ được đoạn gỗ Phạm Văn T dùng để đánh Trần Phú T3, tuy nhiên xác định đoạn gỗ Phạm Văn T dùng để đánh Trần Phú T3 là đoạn gỗ vuông, có chiều dài khoảng 01 mét, có cạnh khoảng 04 đến 05 cm, cứng chắc, nặng khoảng 01 kg, một đầu đoạn gỗ có đóng một cây đinh cách đầu đoạn gỗ khoảng 01 đến 02 cm, phần mũi đinh dư ra ngoài khoảng 01cm (Phạm Văn T tự vẽ mô tả vật chứng) (thể hiện tại các bút lục: 232-233).

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*”, quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Vào khoảng 23 giờ ngày 08 tháng 9 năm 2024, trên tuyến đường H tọa lạc khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, mặc dù không có mâu thuẫn trước với bị hại nhưng bị cáo Phạm Văn T đã có hành vi dùng đoạn gỗ vuông, có chiều dài khoảng 01 mét, có cạnh khoảng 04 đến 05 cm, cứng chắc, nặng khoảng 01 kg, một đầu đoạn gỗ có đóng một cây đinh cách đầu đoạn gỗ khoảng 01 đến 02 cm, phần mũi đinh dư ra ngoài khoảng 01cm (là hung khí nguy hiểm) đánh gây thương tích cho bị hại Trần Phú T3, sinh năm 2008, nơi thường trú khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 01%. Hành vi bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, thời hạn tù được tính từ ngày 17/12/2024.

Ngoài ra vị còn đề xử lý vật chứng và buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có mặt tại phiên tòa vẫn bảo lưu quan điểm không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Văn T xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đồng thời Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, vì không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong vụ án được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 382/2024/KLTTCT-TTPT, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh T.

[3]. Lời nhận tội bị cáo Phạm Văn T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan Điều tra Công an huyện C thu thập có được.

[4]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội; Bởi vì, sức khỏe của con người là vốn quý không có gì bù đắp được, giữa bị cáo Phạm Văn T với bị hại không có mâu thuẫn mà bị cáo dùng cây đánh cố ý gây thương tích cho bị hại Trần Phú T3 với tỷ lệ tổn thương cơ thể 1%, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, cần phải xử lý nghiêm.

Với thương tích của bị hại và ý thức bị cáo Phạm Văn T. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[5]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây nỗi lo sợ và hoang mang đến tinh thần bị hại, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

Xét vai trò của bị cáo và những người có liên quan:

- Đối với bị cáo Phạm Văn T: Bản thân bị cáo không có mâu thuẫn với Trần Phú T3, chỉ vì thấy nhóm của Trần Phú T3 chạy xe qua quán nước, bị cáo dùng tay ngoắc nhóm của Trần Phú T3, khi nhóm của Trần Phú T3 quay trở lại, do đã say (do trước đã có uống bia) và sợ nhóm của Trần Phú T3 quay lại đánh nên bị cáo đã dùng đoạn gỗ đánh gây thương tích cho Trần Phú T3 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% (một phần trăm). Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, gây thương tích cho bị hại một cách vô cớ, coi thường sức khỏe của bị hại, có tính chất côn đồ.

- Đối với Trần Phú T3: Có hành vi dùng dao chém Cao Chín T7 và Lê Hoàng H gây thương tích, với tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người là 1% (một phần trăm). Tuy nhiên Cao Chín T7 và Lê Hoàng H không yêu cầu xử lý hình sự nên hành vi của Trần P không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của Trần Phú T3 vi phạm điểm a, khoản 5, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Nguyễn Thuận T4: Có hành vi dùng vỏ chai bia ném gây thương tích cho Lê Hữu N với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1% (một phần trăm), tuy nhiên Lê Hữu N không yêu cầu xử lý hình sự nên hành vi của Nguyễn Thuận T4 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của Nguyễn Thuận T4 vi phạm điểm a, khoản 5, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Lê Hữu N: Có hành vi mang theo trong người vũ khí thô sơ (dao) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Trần Đại D: Có hành vi mang theo trong người vũ khí thô sơ (dao) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Thân Thành P1: Có hành vi mang theo trong người vũ khí thô sơ (dao) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Võ Phạm T8: Có hành vi mang theo công cụ khác có khả năng gây sát thương (vỏ chai bia bằng thủy tinh) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Nguyễn Văn T6: Có hành vi mang theo công cụ khác có khả năng gây sát thương (vỏ chai bia bằng thủy tinh) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Nguyễn Thành Đ: Có hành vi dùng vỏ chia bia thủy tinh ném vỡ phần kính phía trước tủ kính của Phạm Văn T. Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá tài sản bị thiệt hại. Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện C xác định tài sản bị thiệt hại có giá là: 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng) (thể hiện tại các bút lục: 193-211). Qua xác minh Nguyễn Thành Đ chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của Nguyễn Thành Đ không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi của Nguyễn Thành Đ vi phạm điểm a, khoản 2, Điều 15, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, Nguyễn Thành Đ có hành vi mang theo công cụ khác có khả năng gây sát thương (cây cơ bị da) nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác vi phạm điểm b, khoản 4, Điều 7, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của

Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Đối với Phạm Quốc M: Có hành vi điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288 chở theo 02 người trên xe (T và Võ Phạm T8) vi phạm điểm 1 khoản 2 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng. Ngoài ra Phạm Quốc M điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 62FC-2288 không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực vi phạm điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

- Đối với Ngô Minh K: Có hành vi điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 69AF- 040.86 không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực vi phạm điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

- Đối với Trần Hoàng L1: Có hành vi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84AL-050.91 không có giấy phép lái xe vi phạm điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng. Ngoài ra Trần Hoàng L1 điều khiển xe mô tô không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực vi phạm điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

- Đối với Trần Hoàng L2, sinh năm 2003, nơi thường trú ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ xe mô tô biển số 84AL-050.91 có hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 58 của Luật giao thông đường bộ điều khiển xe tham gia giao thông vi phạm điểm đ khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt được sửa đổi bổ sung Nghị định 123/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.

Đối với các lỗi vi phạm hành chính Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Công an huyện C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân vi phạm theo thẩm quyền (thể hiện tại các bút lục: 567-582).

Quá trình điều tra vụ án hình sự, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại địa phương và người dân sống xung quanh khu vực hiện trường nơi xảy ra vụ việc không có thông tin phản ánh về việc các đối tượng tụ tập, la hét, gây mất an ninh trật tự, an toàn công cộng tại địa phương. Vụ án xảy ra vào buổi tối trên đường H, hiện trường vào thời điểm xảy ra vụ án vắng vẻ, ít xe qua lại, bị cáo và các đối tượng liên quan không hô hào, la hét, cổ vũ, diễn biến vụ án diễn ra nhanh, không gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân xung quanh nên hành vi của bị cáo và các đối tượng liên quan không có dấu hiệu phạm tội gây rối trật tự công cộng (thể hiện tại các bút lục: 583-603).

[6]. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử, xét thấy cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo Phạm Văn T có 01 tiền án về tội cướp tài sản bị Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xử phạt 08 năm tù theo bản án số 10/2019/HS-ST, ngày 20/3/2019. Đến ngày 19/11/2023 Phạm Văn T chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương sinh sống. Tuy nhiên quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, sử dụng trái phép chất ma túy và thường xuyên sử dụng rượu bia. Bị cáo tiền xem thường pháp luật, gây thương tích cho bị hại Trần Phú T3 một cách vô cớ, coi thường sức khỏe của bị hại, có tính chất côn đồ.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo tự nguyện khắc phục bồi thường cho bị hại được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tình tiết tăng nặng: Tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Bị hại Trần Phú T3 không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

[8]. *Về vật chứng*: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 54cm (cán bằng gỗ màu vàng dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu xám dài 38cm, có một bề sắc bén); 01 (một) cây cơ bị da dài 145cm, màu đỏ, vàng, trắng, đen trên thân có chữ DIAMOND; 01 (một) áo sơ mi bằng vải, ngắn tay màu đen, trắng trên cổ áo có chữ ZARA, đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế dài 65cm (cán bằng gỗ màu xám dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 41cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn); 01 (một) cây dao tự chế dài 84cm (cán bằng gỗ màu đỏ dài 24cm, được quấn khâu bằng kim loại màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 60cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn, trên lưỡi dao có 04 lỗ tròn) là vật chứng nghi nên tịch thu tiêu hủy.

[9]. *Về án phí*: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

- Căn cứ: Điểm a, i khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 17/12/2024.

2. *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Bị hại Trần Phú T3 không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không xem xét.

3. *Về vật chứng*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây dao bằng kim loại dài 54cm (cán bằng gỗ màu vàng dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu xám dài 38cm, có một bề sắc bén); 01 (một) cây cơ bị da dài 145cm, màu đỏ, vàng, trắng, đen trên thân có chữ DIAMOND; 01 (một) áo sơ mi bằng vải, ngắn tay màu đen, trắng trên cổ áo có chữ ZARA, đã qua sử dụng; 01 (một) cây dao tự chế dài 65cm (cán bằng gỗ màu xám dài 16cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 41cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn); 01 (một) cây dao tự chế dài 84cm (cán bằng gỗ màu đỏ dài 24cm, được quấn khâu bằng kim loại màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 60cm, có một bề sắc bén, mũi nhọn, trên lưỡi dao có 04 lỗ tròn).

4. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú.

(Trong Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Phiên tòa sơ thẩm được diễn ra theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện Càng Long và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh (với sự hỗ trợ của ông Nguyễn Tấn Đ1, chuyên viên kỹ Thuật Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Phân trại tạm giam KV huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Trúc Linh